VIETNAM 1:50,000

EDITION 1-AMS
XUẤT-BẢN LẦN THỨ 1-AMS

PL. YA BÔ

SHEET 6536 III
SERIES L7014

FOR CAMBODIA LEGEND SEE ADJOINING SERIES
XEM CHÚ-TỪ PHÍA CAO-MIỀN Ở KẾ-CẬN LOẠI

LEGEND — CHÚ-TỪ

MAP INFORMATION AS OF 1965
BẢN-ĐỒ TÌN-TỨC NĂM 1965

WHEN REFERRING TO POPULATED PLACE NAMES, INCLUDE UTM GRID COORDINATES

Scale Tỷ-lệ 1:50,000

CONTOUR INTERVAL — 20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS — 10 METERS

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 20 MẾT
CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ TĂNG 10 MẾT

SPHEROID ..... EVEREST
GRID ..... 1,000 METER UTM ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)
ZONE 49 (BLUE NUMBERED TICKS)
PROJECTION ..... TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM ..... MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM ..... INDIAN DATUM 1960

CREDITS
PREPARED BY ..... ARC (LIB), U.S. ARMY, 1966
BASES BY ..... RGN, VIETNAM
CONTROL BY ..... 25TH ENGR BN, RGN, VIETNAM
PRINTED BY ..... ARC U.S. ARMY

REPORT CORRECTIONS TO THIS MAP TO COMMANDING OFFICER, ARMY MAP SERVICE, WASHINGTON, D.C.
XIN GỬI NHỮNG ĐỀ SỬA ĐỔI TRONG BẢN-ĐỒ NÀY ĐẾN SỞ-HÀ-ĐỒ QUỐC-GIA, ĐÀ-LẠT, VIỆT-NAM

DELINEATION OF INTERNATIONAL BOUNDARIES MUST NOT BE CONSIDERED AUTHORITATIVE
ĐƯỜNG BIÊN-GIỚI QUỐC-TẾ TRÊN BẢN-ĐỒ CHƯA ĐƯỢC MINH-ĐỊNH

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE
RANH GIỚI HÀNH-CHÁNH TRÊN BẢN-ĐỒ NÀY CHỈ PHẢI-ĐỊA VỚI TỈNH-CẢNH BÂY-GIỜ

GLOSSARY — CỔ-TỪ

Chur ..... mountain
Khe ..... primary administrative division
Ia ..... river, stream
Plei ..... settlement
Pô (Phum) ..... settlement
Prêk ..... stream
Srôk ..... secondary administrative division

ELEVATION GUIDE
CHỈ-DẪN CAO-ĐỘ

BOUNDARIES
NHỮNG RÀO GIỚI

ADJOINING SHEETS
BẢNG MẢNH KỀ BÊN

PL. YA BÔ, VIETNAM; CAMBODIA STOCK NO. L701465363